

Tiểu Cần, ngày 10 tháng 12 năm 2019

THÔNG BÁO

**Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh dự toán ngân sách
và phân bổ ngân sách năm 2020.**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Nay Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần thông báo công khai dự toán và phương án phân bổ ngân sách năm 2020 trình HĐND huyện khóa XI, kỳ họp thứ 10, cụ thể như sau:

1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND huyện năm 2020:

1.1. Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện:

- Cân đối ngân sách huyện (Biểu số 69/CK-NSNN).
- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã (Biểu số 70/CK-NSNN).
- Dự toán thu ngân sách nhà nước (Biểu số 71/CK-NSNN).
- Dự toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách cấp xã theo cơ cấu chi (Biểu số 72/CK-NSNN).
- Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo từng lĩnh vực (Biểu số 73/CK-NSNN).
- Dự toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức (Biểu số 74/CK-NSNN).
- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (Biểu số 75/CK-NSNN).

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (Biểu số 76/CK-NSNN).

- Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng xã (Biểu số 77/CK-NSNN).

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện cho ngân sách từng xã năm 2019 (Biểu số 78/CK-NSNN).


- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp huyện và ngân sách xã năm 2019 (Biểu số 79/CK-NSNN).

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Biểu số 80/CK-NSNN).

1.2. Công khai thuyết minh dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách huyện năm 2020.

2. Hình thức công khai: Công bố trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện Tiều Cần và gửi Thông báo công khai cho các phòng, ban đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn.

3. Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày /12/2019.

Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần thông báo công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách năm 2020 trình HĐND huyện khóa XI, kỳ họp thứ 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh;
- TT Huyện ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH 




Nguyễn Văn Diệp



CÁN BỘ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 13/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Cần)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	ƯTH năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	428.549	769.020	531.026	69,05
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	43.500	47.325	44.400	93,82
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	16.490	21.344	17.600	82,46
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	27.010	25.981	26.800	103,15
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	385.049	571.913	479.126	83,78
-	Thu bổ sung cân đối	339.314	399.411	421.231	105,46
-	Thu bổ sung có mục tiêu	45.735	172.502	57.895	33,56
III	Thu kết dư		59.898	7.500	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		84.936		
V	Thu hoàn trả phát sinh năm trước		3.829		
V	Thu viện trợ		1.119		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	425.949	709.432	529.526	124,32
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	392.942	677.330	471.631	120,03
1	Chi đầu tư phát triển	46.840	165.844	100.010	213,51
2	Chi thường xuyên	337.540	510.624	362.125	107,28
3	Dự phòng ngân sách	8.562	862	9.496	110,91
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	33.007	32.102	57.895	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	4.117	4.117	19.818	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	28.890	27.985	38.077	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú: (1) Đối với các chi tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

CÂN ĐỐI NGUỒN THU CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 139 TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	343.016	621.282	427.780	68,85
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	30.792	31.892	33.630	105,45
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	312.224	456.532	386.650	84,69
-	Thu bổ sung cân đối	279.217	339.314	347.664	102,46
-	Thu bổ sung có mục tiêu	33.007	117.218	38.986	33,26
3	Thu kết dư		54.164	7.500	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		77.561		
5	Thu các khoản hoàn trả phát sinh năm trước		14		
6	Thu viện trợ		1.119		
II	Chi ngân sách	343.016	581.197	426.280	124,27
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	343.016	465.817	426.280	124,27
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	0	115.380	0	
-	Chi bổ sung cân đối		60.097		
-	Chi bổ sung có mục tiêu		55.283		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	82.933	138.849	82.933	59,73
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.108	10.360	10.108	97,57
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	72.825	115.380	72.825	63,12
-	Thu bổ sung cân đối	60.097	60.097	60.097	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	12.728	55.283	12.728	23,02
3	Thu kết dư		5.734		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		7.375		
II	Chi ngân sách	71.700	128.235	82.933	115,67



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Thông cáo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	48.445	43.372	44.400	42.900	91,65	98,91
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)	47.326	42.253	44.400	42.900	93,82	101,53
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.079	11.778	15.100	15.100	125,01	128,21
-	Thuế giá trị gia tăng	10.196	10.024	13.160	13.160	129,07	131,28
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.621	1.601	1.800	1.800	111,04	112,43
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	103	103	50	50	48,54	48,54
-	Thu khác ngoài quốc doanh	109				0,00	
-	Thuế tài nguyên	50	50	90	90	180,00	180,00
5	Thuế thu nhập cá nhân	7.652	7.211	8.500	8.500	111,08	117,88
6	Lệ phí trước bạ	9.050	9.050	10.000	10.000	110,50	110,50
7	Thu phí, lệ phí	2.254	1.145	2.900	2.900	128,66	253,28
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	405	387	400	400	98,77	103,36
9	Thu tiền sử dụng đất	9.412	9.412	4.000	4.000	42,50	42,50
10	Thu khác ngân sách	6.474	3.270	3.500	2.000	54,06	61,16
II	Thu viện trợ	1.119	1.119			0,00	0,00

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	529.526	426.280	103.246
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	471.631	387.294	84.337
I	Chi đầu tư phát triển	100.010	91.010	9.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	92.510	83.510	9.000
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi XDCB từ nguồn XDCB	22.810	22.810	0
+	Chi đầu tư XDCB theo NQ 15/2015/NQ-HĐND	19.310	19.310	
+	Hỗ trợ thực hiện duy tu các công trình giao thông nông thôn	3.500	3.500	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.600	3.600	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	66.100	57.100	9.000
2	Chi đầu tư phát triển khác (nguồn kết dư ngân sách huyện)	7.500	7.500	
II	Chi thường xuyên	362.125	288.484	73.641
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	194.216	193.391	825
2	Chi khoa học và công nghệ	240	240	
III	Dự phòng ngân sách	9.496	7.800	1.696
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	57.895	38.986	18.909
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	19.818	13.148	6.670
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.228		2.228
-	Vốn đầu tư	2.000		2.000
-	Vốn sự nghiệp	228		228
2	Chương trình MTQG nông thôn mới	17.590	13.148	4.442
-	Vốn đầu tư	10.770	7.498	3.272
-	Vốn sự nghiệp	6.820	5.650	1.170
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	38.077	25.838	12.239
1	Trồng mới cây xanh phục vụ chỉnh trang đô thị	7.000	7.000	



STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
2	Quản trường thị trấn Tiêu Cần và hỗ trợ thực hiện tiêu chí đô thị loại IV	6.833	6.833	
3	Nguồn kiến thiết thị chính (Kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng đô thị: kiến trúc, cảnh quan đô thị theo tiêu chí đô thị loại V)	10.000		10.000
4	Chi thực hiện Nghị định 136 (67. 13. 06)	8.878	8.878	
5	Nguồn vốn CTMT thực hiện đề án tăng cường tuyên truyền PCTP, PCMT	96	33	63
6	Kinh phí trật tự ATGT	2.109	2.109	
7	Nguồn vốn CTMT đảm bảo TTATGT, PCCC, PCTP và ma túy	185	42	143
8	Kinh phí trang bị phần mềm	976	943	33
9	Dự án thích ứng biến đổi khí hậu (AMD)	0		
10	Dự án SME	2.000		2.000
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		





ĐỊNH TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

Đính kèm theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	413.132
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	413.132
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	91.010
1	Chi đầu tư cho các dự án	91.010
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.500
1.4	Chi văn hóa thông tin	2.400
1.7	Chi bảo vệ môi trường	3.000
1.2	Chi các hoạt động kinh tế	75.010
1.3	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.100
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	314.322
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	193.391
2	Chi khoa học và công nghệ	240
3	Chi y tế, dân số và gia đình	
4	Chi văn hóa thông tin	3.874
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	
7	Chi bảo vệ môi trường	1.384
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.552
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	37.010
10	Chi bảo đảm xã hội	22.631
11	Chi mua sắm, nâng cấp, sửa chữa tài sản	700
12	Chi khác	11.266
13	Chi viện trợ	
14	10% tiết kiệm chi thường xuyên	4.691
15	Chi quốc phòng	1.215
16	Chi An ninh	2.368
III	Dự phòng ngân sách	7.800
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Cản)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHŨNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÈ CHŨNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	384.937	91.010	272.938	7.800	4.691	8.498	7.498	1.000	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	372.446	91.010	272.938	-	-	8.498	7.498	1.000	-
1	Ban quản lý dự án đầu tư XD huyện Tiêu Cản	67.408	59.910				7.498	7.498		
2	Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng các hạng mục công trình XDCB trên địa bàn huyện Tiêu Cản	6.900	6.900							
3	Phòng Tư pháp	672		672,30						
4	Phòng Tài chính - KH	1.485		1.484,80						
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	39.114	23.000	16.113,60						
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3.429		3.429,00						
7	Phòng Lao động Thương binh & XH	24.846		23.846,30			1.000		1.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUYÊN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Phòng Văn hóa và Thông tin	916		915,50			-			
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.451		1.451,30			-			
10	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao	3.884		3.884,10			-			
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	188.333		188.332,70			-			
12	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	906		906,20			-			
13	Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề	3.102		3.101,60			-			
14	Phòng Y tế	600		600,10			-			
15	Phòng Dân Tộc	804		803,70			-			
16	Văn phòng Huyện ủy và HĐND - UBND huyện	20.736		20.736,40			-			
17	Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam huyện	1.422		1.422,20			-			
18	Đoàn thanh niên Cộng sản HCM	927		926,70			-			
19	Hội Phụ Nữ	768		768,10			-			
20	Hội Nông Dân	1.059		1.058,60			-			
21	Hội Cựu Chiến Binh	1.493		1.493,40			-			
22	Hội đặc thù	991		990,90			-			



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG				CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
23	Trích lập quỹ phát triển đất (30%)	1.200	1.200								
24	Dự án SME	-					-				
II	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	7.800			7.800						
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	4.691				4.691					
IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ	-					-				
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-					-				

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Hình thức số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Cản)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	91.010	4.500			2.400			3.000	75.010	70.810		6.100	
1	Ban quản lý dự án đầu tư XD huyện Tiêu Cản	59.910	-						3.000	52.010	47.810		4.900	
2	Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng các hạng mục công trình XDCB trên địa bàn huyện Tiêu Cản	6.900	4.500											
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	23.000								23.000	23.000			
4	Trích lập quỹ phát triển đất (30%)	1.200											1.200	

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Cản)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		277.096	194.391	-	-	3.884	-	-	1.384	17.808	-	-	36.998	22.631
1	Phòng Tư pháp	672											672,30	
2	Phòng Tài chính - KH	1.485								100,00			1.384,80	
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	16.114								14.533,00			1.580,60	
4	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3.429								2.529,70			899,30	
5	Phòng Lao động Thương binh & XH	24.846	1.000,00										1.215,20	22.631,10
6	Phòng Văn hóa và Thông tin	916											915,50	
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.836							1.384,20				805,80	
8	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao	3.884				3.884,10				645,50				
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	188.644	188.332,70										311,00	





TRONG ĐÓ:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
10	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	1.318	906,20											
11	Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp	3.102	3.101,60										412,10	
12	Phòng Y tế	600												
13	Phòng Dân Tộc	804											600,10	
14	Văn phòng Huyện ủy và HĐND - UBND huyện	21.786	1.050,00										803,70	
15	Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam huyện	1.422											20.736,40	
16	Đoàn thanh niên Cộng sản HCM	928											1.422,20	
17	Hội Phụ Nữ	768											927,90	
18	Hội Nông Dân	1.059											768,10	
19	Hội Cựu Chiến Binh	1.493											1.058,60	
													1.493,40	

DỰ TOÁN THU-SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		Số bổ sung cán đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra				
A	B	1	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	22.186	10.770	8.520	92.476	-	-	103.246
1	Thị trấn Tiêu Càn	6.200	2.753	1.998	10.240			12.993
2	Thị trấn Cầu Quan	3.727	1.842	1.302	10.238			12.080
3	Xã Phú Càn	2.400	1.275	1.040	7.807			9.082
4	Xã Hiếu Từ	1.948	952	817	6.977			7.929
5	Xã Hiếu Trung	1.530	708	673	7.966			8.674
6	Xã Long Thới	1.281	512	487	7.132			7.644
7	Xã Hùng Hòa	345	171	151	7.311			7.482
8	Xã Tân Hùng	950	480	435	7.433			7.913
9	Xã Tập Ngãi	1.645	777	647	9.036			9.813
10	Xã Ngãi Hùng	760	325	275	8.529			8.854
11	Xã Tân Hòa	1.400	975	695	9.808			10.783

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	18.969	0	12.299	6.670
1	Thị trấn Tiêu Càn	5.247		5.024	223
2	Thị trấn Cầu Quan	5.024		5.024	
3	Xã Phú Càn	1.244		24	1.220
4	Xã Hiếu Tử	154		24	130
5	Xã Hiếu Trung	1.240		19	1.221
6	Xã Long Thới	154		24	130
7	Xã Hùng Hòa	149		19	130
8	Xã Tân Hùng	154		24	130
9	Xã Tập Ngãi	1.463		19	1.444
10	Xã Ngãi Hùng	1.100		79	1.021
11	Xã Tân Hòa	3.040		2.019	1.021

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện Tiêu Càn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM							
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp	
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước		Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2.5+12	3-8+15	4.5+8	5.6+7	6	7	8.9+10	9	10	11.12+15	12.13+14	13	14	15.16+17	16	17	
	TỔNG SỐ	19.818	12.770	7.048	2.228	2.000	0	0	228	228	0	17.590	10.770	10.770	0	6.820	6.820	0	
I	Ngân sách cấp huyện	13.148	7.498	5.650	0	0	0	0	0	0	0	13.148	7.498	7.498	0	5.650	5.650	0	
1	Phòng Lao động - TB&XH	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	0	0	1.000	1.000	0	
2	Ngân sách huyện	12.148	7.498	4.650	0	0	0	0	0	0	0	12.148	7.498	7.498	0	4.650	4.650	0	
II	Ngân sách xã	6.670	5.272	1.398	2.228	2.000	0	0	228	228	0	4.442	3.272	3.272	0	1.170	1.170	0	
1	Thị trấn Tiêu Càn	222,8	200	22,8	222,8	200	200	0	22,8	22,8	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Xã Phú Càn	1.220,0	1.090	130,0	0,0	0	0	0,0	0,0	0,0	0	1.220	1.090	1.090	130	130	130	0	
3	Xã Hiếu Từ	130,0	0	130,0	0	0	0	0	0	0	0	130	0	0	130	130	0	0	
4	Xã Hiếu Trung	1.221,0	1.091	130,0	0,0	0	0	0,0	0,0	0,0	0	1.221	1.091	1.091	130	130	130	0	
5	Xã Long Thới	130,0	0	130,0	0	0	0	0	0	0	0	130	0	0	130	130	0	0	
6	Xã Hùng Hòa	130,0	0	130,0	0	0	0	0	0	0	0	130	0	0	130	130	0	0	
7	Xã Tân Hùng	130,0	0	130,0	0,0	0	0	0,0	0,0	0,0	0	130	0	0	130	130	0	0	
8	Xã Tập Ngãi	1.443,8	1.291	152,8	222,8	200	200	22,8	22,8	22,8	0	1.221	1.091	1.091	130	130	130	0	
9	Xã Ngãi Hùng	1.021,2	800	221,2	891,2	800	800	91,2	91,2	91,2	0	130	0	0	130	130	130	0	
10	Xã Tân Hòa	1.021,2	800	221,2	891,2	800	800	91,2	91,2	91,2	0	130	0	0	130	130	130	0	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kính theo Thông báo số 139/TB-UBND ngày 10/2/2019 của UBND huyện Tiêu Cán)

STT	Tên mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm lập kế hoạch	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư						Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019						Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019						Kế hoạch vốn năm 2020					
						Tổng mức đầu tư được duyệt			Chia theo nguồn vốn			Chia theo nguồn vốn			Chia theo nguồn vốn			Chia theo nguồn vốn			Chia theo nguồn vốn			Chia theo nguồn vốn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20								
TỔNG CỘNG:																													
1	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương					120.865	0	0	120.865	0	0	0	0	0	0	0	0	112.780	0	0	112.780								
1	Chi đầu tư (theo NQ số 15/2015/NQ-UBND)					25.172			25.172									22.810			22.810								
1.1	Nâng cấp, sửa chữa sân nền phòng Tập quyền và Ngõ trường	Thị trấn Tiêu Cán	Cấp IV	2020	3330/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	300			300									250			250								
1.2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Hương mục Di dời, cấu tạo	Xã Phú Cản	Cấp IV	2020	3329/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	750			750									700			700								
1.3	Khu hành chính tập trung xã Hùng Hòa, huyện Tiêu Cán (HM Nhà Bùn việc Khảo Đoàn thể	Xã Hùng Hòa	Cấp IV	2020	3335/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.050			1.050									950			950								
1.4	Sửa chữa, nâng cấp khu hành chính xã Hiền Tư (Gian đoạn 2)	Xã Hiền Tư	Cấp IV	2020	3338/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.235			1.235									1.000			1.000								
1.5	Vĩa bê, hệ thống thoát nước nhánh số 2, thị trấn Tiêu Cán	Thị trấn Tiêu Cán	Cấp IV	2020	3327/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.000			1.000									930			930								
1.6	Dường nhựa khám 5, thị trấn Tiêu Cán (Từ nhà 3 Tô đến đường dân khám 5)	Thị trấn Tiêu Cán	Cấp IV	2020	3326/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.050			1.050									930			930								
1.7	Dường nội QL 80 - Tỉnh lộ 915, thị trấn Cầu Quan	Thị trấn Cầu Quan	Cấp IV	2020	3337/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.200			3.200									3.000			3.000								
1.8	Dường nhựa khám 3, TT Cầu Quan (Chợ Thuận An - Trại Phú)	Thị trấn Cầu Quan	Cấp IV	2020	3340/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.100			1.100									1.000			1.000								
1.9	Dường GTNT ấp Tân Trung Giồng B (Từ Km 19,5 đến giáp Huyện Hòa, gian đoạn 2)	Xã Hiền Trưng	Cấp IV	2020	3336/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.200			3.200									3.000			3.000								
1.10	Dường GTNT liên ấp, xóm Chòi-Ong Xây-Dau Sư (gian đoạn 2)	Xã Tập Ngãi	Cấp IV	2020	3328/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.700			2.700									2.500			2.500								
1.11	Dường nhựa cấp kinh Bã Liếp, thị trấn Tiêu Cán (Từ cầu Bà Liếp đến đường nội ô - Tỉnh lộ 912)	Thị trấn Tiêu Cán	Cấp IV	2020	3325/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.700			2.700									2.500			2.500								

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019						Kế hoạch vốn năm 2020					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách huyện	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách huyện			
A	B	I	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1.12	Mở rộng đầu nối đầu đường vào đường Trưng Trắc, xã Tân Hùng (GD 2)	Xã Tân Hùng	Cấp IV	2020	600			600									550			550
1.13	Sửa chữa, nâng cấp khu hành chính xã Tân Hùng	Xã Tân Hùng	Cấp IV	2020	1.100			1.100									1.000			1.000
1.14	Sửa chữa, nâng cấp khu hành chính xã Ngãi Hùng	Xã Ngãi Hùng	Cấp IV	2020	1.100			1.100									1.000			1.000
2	Hỗ trợ thực hiện dự tư, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn				4.087	0	0	4.087	0	0	0	0	0	0	0	0	3.500	0	0	3.500
2.1	Dự tư, sửa chữa đường GTNT các xã Hiệp Tự, Hiệp Trung, huyện Triệu Cấn năm 2020	Huyện Triệu Cấn	Cấp IV	2020	1.100			1.100									1.000			1.000
2.2	Dự tư, sửa chữa đường GTNT các xã Tập Ngãi, Tân Hùng, huyện Triệu Cấn năm 2020	Huyện Triệu Cấn	Cấp IV	2020	1.100			1.100									1.000			1.000
2.3	Dự tư, sửa chữa đường GTNT các xã Thuận Cầu Quan, thị trấn Triệu Cấn, huyện Triệu Cấn năm 2020	Huyện Triệu Cấn	Cấp IV	2020	1.100			1.100									1.000			1.000
2.4	Dự tư, sửa chữa đường GTNT các xã Thuận Cầu Quan, thị trấn Triệu Cấn, huyện Triệu Cấn năm 2020	Huyện Triệu Cấn	Cấp IV	2020	787			787									500			500
II	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				1.450	-	-	1.450	-	-	-	-	-	-	-	-	3.600	-	-	3.600
1	Quang tương thị trấn Triệu Cấn, huyện Triệu Cấn	Thị trấn Triệu Cấn	Cấp IV	2020	1.305			1.305									1.305			1.305
2	Công viên mini tại thị trấn Cầu Quan, huyện Triệu Cấn	thị trấn Cầu Quan	Cấp IV	2020	145			145									145			145
3	Trích lập quỹ phát triển đất (30%)																1.200			1.200
4	Dự phòng																950			950
III	Chi đầu tư từ nguồn số vốn kiến thiết				69.173	-	-	69.173	-	-	-	-	-	-	-	-	66.100	-	-	66.100
1	Hỗ trợ thực hiện dự tư, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn				2.693	-	-	2.693	-	-	-	-	-	-	-	-	2.100	-	-	2.100
1.1	Dự tư, sửa chữa cầu GTNT trên địa bàn xã Hùng Hòa, huyện Triệu Cấn năm 2020	Xã Hùng Hòa	Cấp IV	2020	1.906			1.906									1.850			1.850
1.2	Dự tư, sửa chữa đường GTNT các xã Thuận Cầu Quan, thị trấn Triệu Cấn, huyện Triệu Cấn năm 2020	Huyện Triệu Cấn	Cấp IV	2020	787			787									250			250

STT	Tên mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019				Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2019				Kế hoạch vốn năm 2020			
						Tổng mức đầu tư được duyệt				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới (Bổ sung cho các xã)					9.000			9.000									9.000			
2.1	Xã Phú Cường	Xã Phú Cường	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.2	Xã Hiếu Tử	Xã Hiếu Tử	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.3	Xã Hiếu Trung	Xã Hiếu Trung	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.4	Xã Long Thôn	Xã Long Thôn	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.5	Xã Hồng Hòa	Xã Hồng Hòa	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.6	Xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.7	Xã Tập Ngãi	Xã Tập Ngãi	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.8	Xã Ngãi Hưng	Xã Ngãi Hưng	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
2.9	Xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	Cấp IV	2020		1.000			1.000									1.000			
3	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đạt các tiêu chí đô thị					57.480			57.480									55.000			
-	Mở rộng Quốc lộ 60 (Tư Cầu Triều Cấn - Chùa Đụn Mông)	TT Triều Cấn, Xã Phú Cấn	Cấp IV	2020	3324/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.800			12.800									12.500			
-	Chống thấm tuyến đường tránh QL. 60	TT Triều Cấn	Cấp IV	2020	3308/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.900			14.900									14.400			
-	Mở rộng Công Cây Hẹ từ 7m lên 11m	TT Triều Cấn	Cấp IV	2020	3309/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.000			3.000									2.600			
-	Xử lý lún đường không 0, thị trấn Triều Cấn	TT Triều Cấn	Cấp IV	2020	3310/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	450			450									400			
-	Dương nhựa khóm 2, TT Triều Cấn (Cấp Đình thàn)	TT Triều Cấn	Cấp IV	2020	3323/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.200			2.200									2.000			
-	Mở rộng đường nội ô thị trấn Triều Cấn (Đoạn đường từ Cầu Triều Cấn - Công Tân Phú)	TT Triều Cấn	Cấp IV	2020	3322/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.600			4.600									4.300			
-	Hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 60 (từ Công Cây Hẹ - Mỹ Phong)	Xã Phú Cấn, Hiếu Trung	Cấp IV	2020	3331/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.300			1.300									1.200			
-	Mở rộng Quốc lộ 60 (từ Công Cây Hẹ - Trám Xàng đầu Phú Cấn)	Xã Phú Cấn	Cấp IV	2020	3321/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.900			14.900									14.600			
-	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng khu vực thị trấn Triều Cấn, huyện Triều Cấn, Hạng mục: Đường tránh Quốc lộ 60 (Gian đoạn 2)	Thị trấn Triều Cấn	Cấp IV	2020	3320/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.230			1.230									1.050			
-	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng khu vực thị trấn Cầu Quan, huyện Triều Cấn, Hạng mục: đường Trám Phú, đường Cách Tháng 8	TT Cầu Quan	Cấp IV	2020	3319/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.100			1.100									1.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm lập thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Giá trị khởi lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2019				Lấy kế vốn đã bỏ trị đến 31/12/2019				Kế hoạch vốn năm 2020			
						Tổng mức đầu tư được duyệt				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn				Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
-	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng khu vực thị trấn Cầu Quan, huyện Triều Càn, Hạng Mục - đường Hùng Vương	T1 Cầu Quan	Cấp IV	2020	3318/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.000	1.000		1.000									950			950
IV	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia					16.770	-	-	16.770												
I	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					14.770	-	-	14.770												
I.1	Mô hình đường (đuan Cầu Bà Lành - Công ty MTV Cây He - Bui 5 Nhom)	Xã Hiếu Trung	Cấp IV	2020	3317/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.500			11.500									10.770			10.770
I.2	Bổ sung cho các xã					3.270	-	-	3.270												
-	Xã Phú Cản	Xã Phú Cản	Cấp IV	2020		1.090			1.090												
-	Xã Hiếu Trung	Xã Hiếu Trung	Cấp IV	2020		1.090			1.090												
-	Xã Tấp Ngải	Xã Tấp Ngải	Cấp IV	2020		1.090			1.090												
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Bổ sung cho các xã)					2.000	-	-	2.000												
-	Thị trấn Triều Càn	Thị trấn Triều Càn	Cấp IV	2020		200			200												
-	Xã Tấp Ngải	Xã Tấp Ngải	Cấp IV	2020		200			200												
-	Xã Ngải Hùng	Xã Ngải Hùng	Cấp IV	2020		800			800												
-	Xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	Cấp IV	2020		800			800												
V	Nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2019 (nguồn thu tiền sử dụng đất)					8.300			8.300												
I	Trương THCS thị trấn Triều Càn Hạng mục Bò hoàn	Thị trấn Triều Càn	Cấp IV	2020	3300/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.000			5.000												
2	Bãi rác huyện Triều Càn	huyện Triều Càn	Cấp IV	2020	3316/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.300			3.300												

AN T. TR